

Bản án số: 787/2023/HC-PT

Ngày: 30/10/2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 222/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2022/HC-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10726/2023/QĐ-PT ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Lê Văn L, sinh năm 1966; Địa chỉ: TDP D, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Bùi Đức H - Công tác tại Phòng Luật Kinh tế, Viện nhà nước và pháp luật, V2; Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; Địa chỉ: Số C Đại lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức G, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh T; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: Tiểu khu A, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã N; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã N và Chủ tịch UBND thị xã N: Ông Nguyễn Kim K, Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND thị xã N; Ông Cao Văn K1, ông Lê Văn H1 - Viên chức Ban giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư thị xã N; Ông Nguyễn Kim K và ông Lê Thanh H2 có mặt, ông Cao Văn K1 vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Lương N1, chức vụ: Chủ tịch UBND xã P; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị X, sinh năm 1970; Địa chỉ: TDP D, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, các đơn khởi kiện bổ sung và tài liệu trong quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện là ông Lê Văn L trình bày:

Ông có quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.435,5m², loại ONT + CLN tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị xã N, tỉnh Thanh Hóa), vì các lý do:

Về nguồn gốc thửa đất và việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ông Lê Ngọc V có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 4200m², trong đó có 400m² đất ở, 3800m² đất trồng cây lâu năm. Gia đình ông V đã sử dụng đất từ trước ngày 18/12/1980, được ghi nhận vào hồ sơ địa chính xã P là thửa số 01, tờ bản đồ số 04, bản đồ năm 1998 tại thôn T, xã P. Ngày 20/03/2001, gia đình ông V chuyển nhượng cho gia đình ông một phần thửa đất với diện tích 1433,6m², trong đó có 400m² đất ở, 1033,6m² đất trồng cây lâu năm, có ranh giới: Phía Bắc, phía Đông giáp đất ở ông Lê Ngọc V, phía Tây giáp đường thôn, phía Nam giáp đất ông Lê Ngọc V và đường thôn.

Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất có xác nhận của Trưởng thôn ngày 21/3/2001, xác nhận của Cán bộ địa chính xã P ngày 25/3/2001 và xác nhận của Chủ tịch UBND xã P ngày 25/3/2001 nên là giao dịch hoàn toàn hợp pháp. Từ khi nhận chuyển nhượng thửa đất, gia đình ông quản lý, sử dụng, ổn định, liên tục, không có tranh chấp không vi phạm pháp luật đất đai.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gia đình ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế chuyển mục đích sử dụng đất và thuế nhà đất với cơ quan

có thẩm quyền và đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1400m², trong đó có 400m² đất ở và 1000m² đất trồng cây lâu năm. Cụ thể: Ngày 10/5/2002 gia đình ông đã nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), nộp tiền lệ phí cấp giấy chứng nhận và tiền đất ở 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho UBND xã P, huyện T (có phiếu thu hợp pháp).

Gia đình ông đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759, số vào sổ 00052/QSDĐ, ngày 13/11/2003, diện tích đất được cấp là 1400m², trong đó có 400m² đất ở và 1000m² đất trồng cây lâu năm. Theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 thì: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất”; Khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Người sử dụng đất được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình”. Do đó, thửa đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông và Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ khi chủ thể khác xâm phạm.

Ngày 13/10/2021, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 11718/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/11/2003 của ông không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Như vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V với vợ chồng ông được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông đã làm thủ tục đăng ký đất đai, nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất, tiền lệ phí sử dụng đất ở đầy đủ; được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định không có vi phạm gì liên quan đến thửa đất. Nếu có vi phạm trong quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không phải do lỗi của gia đình ông nên UBND xã P và UBND thị xã N phải có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Hơn nữa, tất cả các Bản đồ địa chính, Sổ địa chính được lập tại xã P sau khi gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều thể hiện thửa đất 1400m² trong đó có 400m² đất ở, 1000m² đất trồng cây lâu năm; trong Bản đồ địa chính xã P ngày 18/8/2019 cũng thể hiện thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.435,5m², loại ONT + CLN, chủ sử dụng Lê Văn L.

Ngày 13/10/2021, sau gần 20 năm gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 11718/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện T cấp ngày 13/11/2003 là không có căn cứ pháp lý, không đúng quy định của pháp luật.

UBND thị xã N ban hành Quyết định số 12161/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 về việc thu hồi đất, Quyết định số 6354/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 12159/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường cho gia đình ông là không đúng pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759, số vào sổ 00052/QSDĐ ngày 13/11/2003 do UBND thị xã N cấp cho vợ chồng ông có diện tích 1400m², trong đó có 400m² đất ở, 1000m² đất trồng cây lâu năm; Bản đồ địa chính; Sổ địa chính xã P đều thể hiện đất của gia đình ông là 1400m², trong đó có 400m² đất ở, 1000m² đất trồng cây lâu năm như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông. Căn cứ quy định tại Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 về nguyên tắc thu hồi đất, Nhà nước phải bồi thường loại đất cùng loại, không có đất cùng loại thì phải bồi thường bằng tiền. Do vậy, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 12161, Quyết định số 6354, Quyết định số 12159 không bồi thường đất hoặc giá trị sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm cho gia đình ông là vi phạm pháp luật, tước đoạt quyền được bồi thường hợp pháp khi nhà nước thu hồi đất của gia đình ông.

Ngay sau khi nhận được các quyết định nêu trên, nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình mình không được bảo đảm, gia đình ông đã làm Đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã N và Chủ tịch UBND tỉnh T. Chủ tịch UBND thị xã N đã ban hành Quyết định số 13312/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 giải quyết khiếu nại lần đầu; Chủ tịch UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 giải quyết khiếu nại lần hai. Tuy nhiên, việc giải quyết các khiếu nại này đều chưa khách quan, chưa chính xác. Cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông từ năm 2003 đã thể hiện thửa đất của gia đình có 400m² đất ở; 1000m² đất nông nghiệp; Bản đồ địa chính xã P ngày 18/8/2019 thể hiện thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.435,5m², loại ONT + CLN, chủ sử dụng ông Lê Văn L. Trong khi kết quả xác minh lại cho rằng thửa đất này là đất trồng cây lâu năm, dẫn tới các quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND thị xã N và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh T không chính xác, không đúng pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ông Lê Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759, số vào sổ 00052/QSDĐ do UBND huyện T (nay là thị xã N) cấp ngày 13/11/2003 cho ông, diện tích là 1400m², trong đó có 400m² đất ở, 1000m² đất trồng cây lâu năm là hợp pháp.

- Hủy Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND thị xã N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759 cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L và hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông.

- Hủy Quyết định số 12161/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lê Văn L.

- Hủy Quyết định số 6354/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, trong đó bồi thường cho gia đình ông L là 35.944.000 đồng.

- Hủy Quyết định số 12159/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thị xã N về việc điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường cho gia đình ông L là 0 đồng.

- Hủy Quyết định số 13312/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với ông Lê Văn L.

- Hủy Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Văn L;

- Yêu cầu UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định thu hồi và bồi thường đất ở, đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp nếu không hủy các quyết định nêu trên, yêu cầu UBND thị xã N, UBND thị trấn P phải liên đới bồi thường thiệt hại về số tiền chuyển mục đích sử dụng 400m² đất ở mà gia đình ông đã nộp năm 2001 theo giá chuyển mục đích sử dụng đất ở tại thời điểm hiện tại ở địa phương do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra cho gia đình ông và các thiệt hại liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn L bổ sung thêm nội dung khởi kiện: Yêu cầu hủy Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông L đối với Quyết định số 11718/ QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND thị xã N.

2. Ý kiến của người bị kiện:

2.1. Ý kiến của UBND thị xã N.

Sau khi UBND thị xã N ra các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ GPMB do thu hồi đất đối với hộ ông Lê Văn L để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ D - N thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020. Ông Lê Văn L không đồng ý và khiếu nại Quyết định số 12161/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thị xã N về việc thu hồi đất. Cụ thể: Khiếu nại được thu hồi, bồi thường diện tích 400m² đất ở và 1000m² đất vườn cùng thửa đất ở, thời điểm sử dụng trước ngày 18/12/1980; khiếu nại Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày

13/10/2021 của UBND thị xã N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/11/2003 mang tên ông Lê Văn L.

Kết quả làm việc với người khiếu nại: Ông Lê Văn L trình bày năm 2001, ông mua đất ở và đất vườn từ ông Lê Ngọc V. Sau đó, phát hiện ra đất mua không phải đất ở và đất vườn mà là đất trồng cây lâu năm, nên UBND xã P hướng dẫn ông chuyển mục đích sang đất ở và đất vườn. Năm 2002, ông nộp cho UBND xã P tổng số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Năm 2003, UBND xã P làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông với diện tích 1400m², gồm: 400m² đất ở và 1000m² đất vườn. Đất của ông Lê Ngọc V sử dụng trước 18/12/1980, sau khi mua gia đình sử dụng trồng cây lâu năm, không có nhà ở trên đất. Ông Lê Văn Long cung c: 01 Phiếu thu số 20 ngày 10/5/2002, người nộp tiền ông Lê Văn L, thôn A, xã X; lý do nộp: Thu nghĩa vụ chuyển đổi đất ở, số tiền 7.000.000 đồng (bản phô tô); 01 Phiếu thu ngày 10/5/2002, người nộp tiền ông Lê Văn L, thôn A, xã X; lý do nộp: Thu lệ phí và tiền đất ở, số tiền: 2.000.000 đồng (bản phô tô); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759 cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L (bản phô tô thường).

- Hồ sơ địa chính gồm:

+ Bản đồ địa chính xã P vẽ năm 1998, diện tích đất gia đình đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04, diện tích nguyên thửa 4200m², loại đất CLN, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng đất Nguyễn Ngọc V1.

+ Bản đồ địa chính xã P vẽ theo chỉ thị 299 thuộc tờ bản đồ số 02, thửa đất số 31, diện tích 26.253m², loại đất T đo bao.

+ Giấy chuyển nhượng ngày 20/3/2001 của ông Lê Ngọc V có xác nhận của UBND xã P nội dung: Ông Lê Ngọc V chuyển nhượng cho ông Lê Văn L, bà Lê Thị X diện tích đất 1433,6m² (trong đó đất ở là 400m², đất trồng cây lâu năm là 1033,6m²).

- Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo Công văn số 26/CNVPĐKĐĐ ngày 15/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã N về việc cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ giải quyết đơn khiếu nại của công dân thì không còn hồ sơ lưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L.

Theo Công văn số 94/CCT-NVT ngày 18/01/2021 của Chi cục thuế thị xã N về việc cung cấp thông tin người nộp thuế về thu thuế hồ sơ chuyển nhượng bất động sản của ông Lê Văn L thì không có bộ hồ sơ chuyển nhượng đất nào mang tên ông Lê Ngọc V bán đất cho ông Lê Văn L tại xã P.

Theo Biên bản Hội nghị về việc xác định nguồn gốc, mục đích, thời điểm sử dụng đất của tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất tại xã P bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện Dự án: Xây dựng một số đoạn đường bộ

cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 ngày 20/4/2020 của UBND xã P xác định không tìm thấy hồ sơ cấp giấy, hồ sơ chuyển mục đích của ông Lê Văn L.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00052/QSĐĐ, cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L, thôn T, xã P thể hiện nguồn gốc thửa đất là công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Kết quả xác định nguồn gốc đất của UBND xã P: Biên bản hội nghị về việc xác định nguồn gốc, mục đích, thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình ông Lê Văn L đang trực tiếp sử dụng đất tại xã P bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện Dự án, UBND xã P cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND thị xã về nội dung: “Hộ gia đình ông Lê Văn L nhận chuyển nhượng từ ông Lê Ngọc V đang sử dụng với diện tích 1435,4m²; trong đó có 1408m² đất có nguồn gốc đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định, liên tục trước ngày 01/7/2004, có 27,4m² đất đã thu hồi và bồi thường đường N - B. Thửa đất hộ ông Lê Văn L đang sử dụng theo hiện trạng 1435,4m² được công nhận gồm các loại đất: Đất trồng cây lâu năm khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004 là 1408m² và 27,4m² không đủ điều kiện bồi thường do đã thu hồi dự án đường N - B năm 2007. Diện tích thu hồi 1435,4m² (trong mốc 1430m², ngoài mốc 4,7m²) đủ điều kiện bồi thường là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004, diện tích không đủ điều kiện bồi thường do đã thu hồi dự án đường N - B năm 2007 là 27,4m²”.

- Hồ sơ thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng:

+ Quyết định số 12161/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 về việc thu hồi đất do hộ ông Lê Văn L đang sử dụng tại xã P để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ D- N thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc-N phía Đông giai đoạn 2017-2020. Theo đó, thu hồi 1408m² đất thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 21 do hộ ông Lê Văn L đang sử dụng, có nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ trước ngày 01/7/2004.

+ Quyết định số 6354/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại xã P để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ D - N thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 -2020. Trong đó, thu hồi của gia đình ông Lê Văn L 1408 m², tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 35.944.000 đồng.

+ Quyết định số 12159/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thị xã N về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại xã P để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ D - N thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc

trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020. Trong đó, điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Văn L là 0 đồng.

+ Hồ sơ kiểm kê khối lượng giải phóng mặt bằng thể hiện trên thửa đất ông Lê Văn L đang khiếu nại trồng các loại cây lâu năm, không có nhà trên đất.

Kết luận: Thửa đất gia đình ông Lê Văn L đang khiếu nại có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ gia đình ông Lê Ngọc V, là thửa đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp trồng cây lâu năm từ trước ngày 01/7/2004 đến thời điểm nhà nước thu hồi đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759, số vào sổ cấp: 00052/QSĐĐ, cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L thể hiện nguồn gốc thửa đất: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất.

Căn cứ quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106, Luật Đất đai năm 2013, quy định những trường hợp nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp: “Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai” thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L thuộc trường hợp phải thu hồi và không còn giá trị pháp lý. Do đó, căn cứ quy định về xác định loại đất tại Điều 11 Luật Đất đai 2013; Khoản 1, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai: “Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng” thì thửa đất hộ ông Lê Văn L đang khiếu nại là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, nên việc ông Lê Văn L khiếu nại được thu hồi, bồi thường diện tích 400m² là đất ở và 1000m² là đất vườn cùng thửa đất, thời điểm sử dụng trước ngày 18/12/1980 là không có cơ sở.

Từ những phân tích, đánh giá, căn cứ pháp luật và kết luận nêu trên; UBND thị xã N đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L và giữ nguyên các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thị xã N.

2.2. Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh T.

- Về nội dung khiếu nại và kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND thị xã N.

Thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ D - N thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến B phía Đông, giai đoạn

2017 - 2020 (gọi tắt là dự án), UBND thị xã N thu hồi đất của gia đình ông Lê Văn L, diện tích 1.408m² đất thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 21, Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 41/TLBĐ- 2019 là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ trước ngày 01/7/2004. Ông Lê Văn L khiếu nại được thu hồi, bồi thường diện tích 400m² là đất ở và 1.000m² là đất vườn cùng thửa với đất ở, thời điểm sử dụng trước ngày 18/12/1980.

Khiếu nại của ông Lê Văn L đã được Chủ tịch UBND thị xã N xem xét, giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 13312/QĐ- UBND ngày 16/11/2021. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã N, ông Lê Văn L khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

- Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

+ Bản đồ địa chính xã P vẽ theo Chỉ thị 299/CT-TTg phê duyệt năm 1987 (đo bao): Khu đất hộ ông Lê Văn L đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích nguyên thửa AO H 23.253m; loại đất T

+ Bản đồ địa chính xã P năm 1998: Khu đất hộ ông Lê Văn L đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04, diện tích nguyên thửa 4.200m², loại đất cây lâu năm (CLN); Sổ mục kê ghi Nguyễn Ngọc V1.

+ Bản đồ xã Phú Lâm đo vẽ năm 2018 (phê duyệt năm 2020): Khu đất hộ ông Lê Văn L đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21, diện tích nguyên thửa 1.435,5m², diện tích thu hồi 1.408m²; loại đất trồng cây lâu năm (CLN); Sổ mục kê ghi tên Lê Văn L.

+ Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 41/TĐĐC ngày 04/8/2019 do Đoàn đo đạc quy hoạch bản đồ Sở T1 thực hiện: Khu đất hộ ông L đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21, diện tích nguyên thửa 1.435,5m², diện tích thu hồi 1.408m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN); Sổ mục kê ghi tên Lê Văn L.

- Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Ông Lê Văn L đã được UBND huyện T (nay thị xã N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, số Giấy chứng nhận TC 268759, số vào sổ 00052/QSDĐ, diện tích 1.400m² (gồm: 400m² đất ở; 1.000m² đất vườn), thời hạn sử dụng lâu dài, thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04, Bản đồ địa chính xã P năm 1998. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đã bị thu hồi theo Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND thị xã N do cấp không đúng nguồn gốc và mục đích sử dụng đất.

- Việc thu hồi, bồi thường đất:

Ngày 14/10/2021, Hội nghị xác định nguồn gốc, mục đích, thời điểm sử dụng đất của UBND xã P, xác định: Khu đất hộ ông Lê Văn L đang khiếu nại là đất nhận chuyển nhượng từ ông Lê Ngọc V, có diện tích hiện trạng sử dụng là

1.435,4m² (gồm: 1.408m² đất trồng cây lâu năm sử dụng từ trước ngày 01/7/2004; có 27,4m² đất đã thu hồi và bồi thường đường N - B). Do đó, đề nghị thu hồi và bồi thường, hỗ trợ 1.408m² đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Ngày 28/10/2021, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 12161/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ ông Lê Văn L đang sử dụng tại xã P để thực hiện Dự án. Theo đó, thu hồi 1.408m² thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 do hộ ông Lê Văn L đang sử dụng, có nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ trước ngày 01/7/2004; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại xã P để thực hiện Dự án. Theo đó, hộ ông Lê Văn L được bồi thường, hỗ trợ 35.944.000 đồng, gồm: Bồi thường về đất 28.160.000 đồng; cây trồng, hoa màu 780.000 đồng; công trình, vật kiến trúc 7.004.000 đồng.

- Việc nộp tiền của ông Lê Văn L năm 2002:

Năm 2002, ông Lê Văn L đã nộp 9.000.000 đồng cho UBND xã P, huyện T, tại 02 Phiếu thu, cụ thể:

+ Phiếu thu số 20 ngày 10/5/2002, người nộp tiền ông Lê Văn L; địa chỉ ở thôn A, xã X; lý do nộp: Thu nghĩa vụ chuyển đổi đất ở, số tiền: 7.000.000 đồng.

+ Phiếu thu (không có số) ngày 10/5/2002, người nộp tiền ông Lê Văn L; địa chỉ ở thôn A, xã X; lý do nộp: Thu lệ phí và tiền đất ở, số tiền: 2.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2021, UBND xã P trích Biên bản Hội nghị xác định việc thu nghĩa vụ tài chính họp ngày 24/11/2021, xác định: Năm 2021, ông L nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Ngọc V là có thật; UBND xã P có thu tiền của ông L; vào năm 2002, UBND xã P đã có hồ sơ chuyển đổi đất ở của hộ ông L gửi UBND huyện T; Năm 2003, UBND huyện T (nay là thị xã N) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lê Văn L.

- Căn cứ vào hồ sơ địa chính xã P; Biên bản xác định nguồn gốc, thời điểm, mục đích sử dụng đất của UBND xã P; kết quả làm việc với người có liên quan; các tài liệu, chứng cứ hiện có, cho thấy:

Khu đất hộ ông Lê Văn L đang khiếu nại có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ gia đình ông Lê Ngọc V, sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm từ trước ngày 01/7/2004 đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất, không có nhà ở trên đất.

Ông Lê Văn L đã được UBND huyện T (nay là thị xã N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 nhưng đã bị thu hồi theo Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND thị xã N do cấp không đúng nguồn gốc, mục đích sử dụng đất nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không còn giá trị pháp lý.

Căn cứ quy định tại Điều 11, Luật Đất đai năm 2013 về xác định loại đất và Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính

phủ thì việc xác định loại đất đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây: “Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng”.

Như vậy, khu đất của ông Lê Văn L đang khiếu nại là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Việc UBND thị xã N thu hồi, bồi thường diện tích 1.408m² trồng cây lâu năm là đúng quy định pháp luật; ông Lê Văn L khiếu nại được thu hồi, bồi thường diện tích 400m² là đất ở và 1.000m² là đất vườn cùng thửa với đất ở, thời điểm sử dụng trước ngày 18/12/1980 là không có cơ sở.

Kết luận:

- Đối chiếu với các quy định nêu trên, việc ông Lê Văn L khiếu nại và đề nghị được thu hồi, bồi thường diện tích 400m² là đất ở và 1.000m² là đất vườn cùng thửa với đất ở, thời điểm sử dụng trước ngày 18/12/1980 là không có cơ sở.

- Ông Lê Văn L có 02 phiếu thu, thể hiện việc UBND xã P đã thu số tiền 9.000.000 đồng để chuyển đổi đất ở, lệ phí và tiền đất ở; đối với số tiền này, UBND xã P có trách nhiệm thỏa thuận việc hoàn trả số tiền đã thu trái quy định của ông Lê Văn L. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân.

Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Lê Văn L đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật, việc ông Lê Văn L khiếu nại là không có cơ sở.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã P, thị xã N trình bày:

Sau khi có khiếu nại của ông L, các cơ quan chuyên môn và UBND xã đã tiến hành xác minh và xác định ông L có nộp 02 phiếu thu với tổng số tiền 9.000.000đ năm 2002, nội dung: Chuyển đổi đất ở, lệ phí và tiền đất ở; sau đó xã lập hồ sơ và UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L năm 2003, nhưng đến năm 2021 UBND thị xã N thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L do cấp không đúng nguồn gốc, mục đích sử dụng đất. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2022/HC-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Lê Văn L, cụ thể như sau:

- Công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759, số vào sổ 00052/QSĐĐ cấp ngày 13/11/2003 mà UBND thị xã N cấp cho ông Lê Văn L có diện tích là 1400m², trong đó có 400m² đất ở, 1000m² đất trồng cây lâu năm là hợp pháp.

- Hủy Quyết định số 11718/QĐ- UBND ngày 13/10/2021 của UBND thị xã N về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số TC 268759 cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L và hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tôi.

- Hủy Quyết định số 12161/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lê Văn L.

- Hủy Quyết định số 6354/QĐ-UBND ngày 9/9/2020 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, trong đó bồi thường cho gia đình ông L là 35.944.000 đồng.

- Hủy Quyết định số 12159/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của UBND thị xã N, trong đó điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường cho gia đình ông L là 0 đồng.

- Hủy Quyết định số 13312/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với ông Lê Văn L.

- Hủy Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông L đối với Quyết định số 11718/ QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND thị xã N.

- Hủy Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Văn L;

- Yêu cầu UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định thu hồi và bồi thường đất ở, đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Giành quyền khởi kiện cho ông Lê Văn L bằng một vụ án khác đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về số tiền 9.000.000đ ông đã nộp tại các Phiếu thu ngày 10/5/2022 của UBND xã P.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2022, người khởi kiện ông Lê Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm: Việc chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng, nộp tiền chuyển mục đích sử

dụng đất của gia đình ông L với UBND xã P, UBND huyện T là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm đó. UBND thị xã N áp dụng các quy định của pháp luật đất đai hiện hành để xác định việc cấp giấy, chuyển mục đích sử dụng đất cách đó hơn 20 năm là vi phạm pháp luật, vi phạm quy định tại Điều 152, Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án như không thu thập các chứng cứ, tài liệu theo đề nghị của đương sự; không tiến hành định giá và thẩm định tại chỗ; không có buổi làm việc nào với UBND xã P, cán bộ địa chính xã P, Văn phòng đăng ký đất đai ... thời kỳ năm 2000, không lấy lời khai của UBND xã P, bà Lê Thị X; không thu thập các hồ sơ liên quan đến việc ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại; không bổ sung ông Lê Ngọc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhiều nội dung nhận định trong bản án không khách quan, không chính xác. Do đó, việc ông L khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L.

Người bị kiện giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện đảm bảo đúng với quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Năm 2001, UBND xã P đã thực hiện việc thu tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, số tiền 9.000.000 đồng của hộ ông Lê Văn L, năm 2003 UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759 ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L. Hộ ông L sử dụng ổn định, không tranh chấp từ khi nhận chuyển nhượng đến khi có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định ông L nhận chuyển nhượng đất của hộ ông Lê Ngọc V, trong đó xác định có 400m² đất ở, 1.000m² đất vườn và đã nộp tiền để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ năm 2002, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Việc cơ quan Nhà nước không lưu giữ hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L là do lỗi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm. Năm

2021, Ủy ban nhân dân huyện N đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Lê Văn L với lý do cấp không đúng nguồn gốc và mục đích sử dụng đất là không có căn cứ. Từ đó, UBND thị xã N ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ ông Lê Văn L là không phù hợp quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông L. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L là không đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

- *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Lê Thị X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- *Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:*

Quyết định số 12161/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lê Văn L; Quyết định số 6354/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 12159/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường; Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã N; Quyết định số 13312/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông L; Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với gia đình ông Lê Văn L là các quyết định hành chính do cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền ban hành và là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ngày 09/3/2022, ông Lê Văn L nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện; Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn L bổ sung thêm yêu cầu hủy Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã N về việc

giải quyết khiếu nại của ông L đối với Quyết định số 11718/ QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND thị xã N. Xét thấy, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông L không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu bổ sung của ông L là có căn cứ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo Bản đồ địa chính xã P theo Chỉ thị 299/CT-TTg phê duyệt năm 1987: Thuộc một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích nguyên thửa 23.253m², loại đất T.

Theo Bản đồ địa chính xã P vẽ năm 1988: Thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04, diện tích nguyên thửa 4.200m², loại đất cây lâu năm (CLN), sổ mục kê ghi tên Nguyễn Ngọc V1.

Theo Bản đồ xã P vẽ năm 2018: Thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21, diện tích nguyên thửa 1.435,5m², diện tích đất thu hồi 1.408m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN), sổ mục kê ghi tên Lê Văn L.

Theo Trích lục Bản đồ địa chính số 41/TĐĐC ngày 04/8/2019 do Đoàn đo đạc quy hoạch bản đồ Sở T1 thực hiện: Thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21, diện tích nguyên thửa 1.435,5m², diện tích thu hồi 1.408m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN), sổ mục kê ghi tên Lê Văn L.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện UBND xã P trình bày Bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299 của xã P không thực hiện việc đo đất từng hộ mà đo bao toàn bộ khu vực, trong đó gồm nhiều loại đất (đất ở, đất nông nghiệp, đất trồng cây, đất do UBND xã quản lý...), đến bản đồ đo đạc năm 1998 mới giải thửa từng hộ, do đó việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân được căn cứ vào bản đồ 1998.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

Thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ D - N thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020; Ngày 09/9/2020, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 6370/QĐ-UBND thu hồi 1.408,0m² do hộ ông Lê Văn L đang sử dụng tại xã P để thực hiện dự án và Quyết định số 6354/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông L.

Ngày 14/01/2021, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND thị xã N theo kết quả xem xét đơn khiếu nại của ông L. Do xác định Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn L năm 2003 không đúng nguồn gốc và mục đích sử dụng đất nên ngày 13/10/2021 UBND thị xã N ban hành Quyết định số 11718/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L. Không đồng ý với Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày 13/10/2021, ông L khiếu nại; Ngày 28/01/2022, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 1075/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông L.

Ngày 28/10/2021, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 12161/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.408,0m² đất có nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 của hộ ông L; Diện tích thu hồi đã trừ 27,4 m² đất nằm trong mốc đã GPMB đường N, Bãi Trành năm 2006-2007; đồng thời ban hành Quyết định số 12159/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông L; tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 283.210.000 đồng; trong đó bồi thường về đất: 566.420.000 đồng, chính sách hỗ trợ: - 283.210.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 12161/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thị xã N, ông L làm đơn khiếu nại yêu cầu được bồi thường diện tích 400m² là đất ở, 1000m² là đất vườn cùng thửa đất, thời điểm sử dụng trước ngày 18/12/1980. Ngày 16/11/2021, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 13312/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông L. Ông L tiếp tục khiếu nại, ngày 21/01/2022 Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L.

Như vậy, các quyết định hành chính của UBND thị xã N, Chủ tịch UBND thị xã N, Chủ tịch UBND tỉnh T được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hiệu theo quy định tại các Điều 17, 18, 21 Luật khiếu nại 2011.

[2.3]. Căn cứ ban hành các quyết định hành chính:

- Việc chuyển nhượng, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông L: Ngày 20/3/2001, ông Lê Ngọc V chuyển nhượng cho ông L, bà X diện tích 1.433,5m²; trong đó 400m² đất ở, 1.033,6m² đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, năm 2002 khi ông L đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất mới biết diện tích đất ông mua của ông V không có đất ở, chỉ có đất trồng cây lâu năm. Theo hướng dẫn của UBND xã, ông L đã nộp số tiền 9.000.000đ cho UBND xã để làm thủ tục chuyển đổi 400m² đất trồng cây lâu năm thành đất ở.

Năm 2003, ông L được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.400m²; trong đó có 400m² đất ở, 1.000m² đất vườn thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04, Bản đồ địa chính xã P năm 1998.

Căn cứ thông tin thu thập được ở địa phương trong quá trình giải quyết khiếu nại về việc thu hồi đất, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông L: Tại Cơ quan thuế không có hồ sơ chuyển nhượng đất mang tên ông Lê

Ngọc V bán đất cho ông Lê Văn L ở xã P, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất không còn hồ sơ lưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2003 cho ông L, tại UBND xã P không tìm thấy hồ sơ cấp giấy, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất của ông Lê Văn L.

- Về hồ sơ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 268759, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00052/QSDĐ, cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L:

Căn cứ vào Báo cáo kết quả xác minh của Đoàn thanh tra số 75/BC-ĐXM ngày 05/5/2021 xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn L không đúng nguồn gốc sử dụng đất và không đúng mục đích sử dụng đất nên phải thu hồi đất.

Ngày 13/10/2021, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 11718/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L do cấp không đúng nguồn gốc và mục đích sử dụng đất; Ông L không đồng ý và khiếu nại Quyết định số 11718/QĐ-UBND nêu trên; Ngày 28/01/2022 Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 1075/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông L; Kết luận: Ông L khiếu nại Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 là không có cơ sở; số tiền 9.000.000đ ông L đã nộp cho UBND xã P được xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật; Ông L tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh T. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 372/QĐ-UBND ngày 21/01/2022, Chủ tịch UBND tỉnh T đã kết luận: Việc ông Lê Văn L khiếu nại và đề nghị được thu hồi, bồi thường diện tích 400m² đất ở và 1.000m² là đất vườn cùng thửa với đất ở, thời điểm sử dụng trước ngày 18/12/1980 là không có cơ sở.

- Hồ sơ thu hồi đất GPMB để thực hiện Dự án: Ngày 09/9/2020, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 6370/QĐ-UBND thu hồi 1.408,0m² do hộ ông Lê Văn L đang sử dụng tại xã P để thực hiện dự án; thông tin về nguồn gốc, mục đích, thời điểm sử dụng đất theo xác nhận của UBND xã P tại Biên bản hội nghị ngày 20/4/2020: 1.408,0m² đất có nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ trước ngày 01/7/2004. Đồng thời ban hành Quyết định số 6354/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông L, kinh phí bồi thường về đất 35.944.000đ, gồm: Bồi thường về đất 28.160.000 đồng; cây trồng, hoa màu 780.000 đồng; công trình, vật kiến trúc 7.004.000 đồng.

Ngày 14/01/2021, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 09/9/2020. Ngày 28/10/2021, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 12161/QĐ-UBND, 12159/QĐ-UBND thu hồi 1.408,0m² đất để thực hiện dự án là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ trước

ngày 01/7/2004 và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông L, kinh phí bồi thường: 0 đ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên, có cơ sở kết luận: Thửa đất ông Lê Văn L khiếu nại có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ gia đình ông Lê Ngọc V, sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp trồng cây lâu năm, ổn định, liên tục từ trước ngày 01/7/2004. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759, số vào sổ 00052/QSDĐ, cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L thể hiện nguồn gốc thửa đất: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền đất.

Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cấp không đúng nguồn gốc, mục đích sử dụng đất. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 thì việc UBND thị xã N thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 268759, số vào sổ 00052/QSDĐ, cấp ngày 13/11/2003 cho ông Lê Văn L là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Do đó, UBND thị xã N ban hành các Quyết định số 12161/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 về việc thu hồi đất, Quyết định số 6354/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Quyết định số 12159/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 về việc điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 11718/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông L năm 2003; Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 13312/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông L; Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 giải quyết khiếu nại của ông L về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông L; Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 giải quyết khiếu nại lần 2 đối với hộ ông L, bà X là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông được cấp năm 2003 và hủy các quyết định hành chính nêu trên của UBND thị xã N, Chủ tịch UBND thị xã N, Chủ tịch UBND tỉnh T; yêu cầu UBND huyện N ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường đất ở, đất trồng cây lâu năm cho gia đình ông L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Đối với nội dung khởi kiện của ông L về việc yêu cầu UBND thị xã N, UBND xã P phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 9.000.000đ ông đã nộp năm 2002 trong trường hợp không hủy các quyết định hành chính nêu trên; Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông L xuất trình 02 phiếu thu của UBND xã P, gồm: Phiếu thu ngày 10/5/2002, số tiền nộp 2.000.000đ, người nộp tiền Lê Văn L, lý do nộp: Thu lệ phí và tiền đất ở; Phiếu thu không số,

số tiền nộp 7.000.000đ, người nộp Lê Văn L, lý do nộp: Thu nghĩa vụ chuyển đổi đất ở, thủ quỹ ghi ngày 10/5/2002 (bản photocopy). Quá trình giải quyết khiếu nại, UBND xã P xác định có thu tiền của ông L theo các phiếu thu do ông L xuất trình.

Tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L đã kết luận: Yêu cầu UBND thị xã N chỉ đạo UBND xã P thỏa thuận việc hoàn trả số tiền thu trái quy định của ông L, trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì hướng dẫn ông L khởi kiện đến Tòa án để được giải quyết theo quy định.

Trong vụ án này, mặc dù ông L yêu cầu được bồi thường nhưng ngoài 02 phiếu thu nêu trên, ông L không kê khai thiệt hại cụ thể, không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến thiệt hại của ông. UBND xã P và UBND thị xã N chưa xem xét việc thỏa thuận bồi thường đối với số tiền 9.000.000 đồng ông L đã nộp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giành quyền cho ông L khởi kiện bằng một vụ kiện khác nếu các bên không thỏa thuận được việc bồi thường và đương sự có yêu cầu là có căn cứ. Tuy nhiên, khi xem xét việc thỏa thuận bồi thường đối với hộ ông Lê Văn L, UBND xã P và UBND thị xã N cần xem xét giải quyết cho phù hợp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông L.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn L không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho quan điểm của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2022/HC-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng ông Lê Văn L đã nộp tại Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000295 ngày 11/01/2023

của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Xác nhận ông Lê Văn L thực hiện xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải